

Bản án số: 5A/2023/DS-PT
Ngày: 11 - 01 - 2023
“V/v tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ;

Ông Lê Thanh Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLPT- DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2021/QĐPT ngày 27/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐ-PT ngày 18/5/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 1343/TB-TA ngày 06/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2022/QĐ-PT ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Á, sinh năm: 1927; nơi cư trú: Tổ 18, khóm N N, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G;

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Á: Ông Lâm Hồng S (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018 của Văn phòng Công chứng Tri Tôn.

Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Á: Ông Lương Minh Hoàng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Lâm Tấn L, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Tổ 8, khóm N N, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lâm Tấn L và bà Lâm Thị Mỹ T: Luật sư Ngô Văn Sang – Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Số 32, đường Nguyễn Văn Cừ, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện

Tri Tôn, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Lâm Hồng S, sinh năm: 1951; nơi cư trú: Tổ 8, khóm N N, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G;

3.2. Bà Lâm Thị Mỹ T, sinh năm: 1957; nơi cư trú: Tổ 9, khóm N N, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G;

3.3. Bà Lâm Thị Mỹ Nga, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Tổ 17, ấp Phú Hạ 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, tỉnh An Giang;

3.4. Bà Lâm Thị Mỹ K, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Tổ 9, khóm N N, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G;

3.5. Bà Lâm Thị P, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Tổ 3, khóm H H, thị trấn N B, huyện T B, tỉnh A G.

Đại diện ủy quyền cho các ông bà: Lâm Thị Mỹ N, Lâm Thị Mỹ K, Lâm Thị P là ông Lâm Hồng S (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 13/9/2018 của Văn phòng Công chứng Tri Tôn.

3.6. Bà Lâm Thị Á, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ 8, ấp V H, xã L Q, huyện T T, tỉnh A G;

Đại diện theo ủy quyền cho bà Lâm Thị Á: Ông Lâm Hồng S theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2019 của Văn phòng Công chứng Tri Tôn).

3.7. Ông Lâm Quang H, sinh năm: 1949; nơi cư trú: Tổ 5, ấp A L, xã C L, huyện T T, tỉnh A G;

3.8. Bà Lâm Thị Ú, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Tổ 2, khóm A B, thị trấn B C, huyện T T, tỉnh A G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện: *Đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 của bà Lê Thị Á với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Lâm Hồng S – đại diện theo ủy quyền cho bà Á trình bày:*

Nguyên ông Lâm Văn H, bà Lê Thị Á là vợ chồng (ông H chết ngày 10/4/1982). Ông H – bà Á có 09 người con là: 1. Lâm Hồng S; 2. Lâm Thị Mỹ T; 3. Lâm Thị Mỹ N; 4. Lâm Thị Mỹ K; 5. Lâm Thị P; 6. Lâm Thị Á; 7. Lâm Tấn L; 8. Lâm Quang H và 9. Lâm Thị Ú.

Ông H – bà Á có tạo lập được: Đất ruộng 37 công tằm cắt; đất trồng cây lâu năm và rẫy 30 công tằm cắt; đất thổ cư 800m². Khi còn sống ông H chia đất ruộng cho: Lâm Hồng S 09 công, Lâm Quang H 10 công. Còn lại: Đất ruộng 18 công; đất trồng cây lâu năm và rẫy 30 công; đất thổ cư 800m².

Trong đó phần của bà Á: Đất ruộng 09 công; đất trồng cây lâu năm và rẫy 15 công; đất thổ cư 400m², bà Á chưa phân chia, nhưng hiện bà bệnh định sang nhượng

lấy tiền điều trị thì phát hiện đất ruộng do ông L tự kê khai và được UBND huyện Tri Tôn cấp chứng nhận QSD đất số 00410 ngày 06/8/1993, diện tích 18.689m² cùng với việc ông Lâm quản lý toàn bộ đất rẫy và đất ở, nên bà Ân khởi kiện yêu cầu:

1/ Hủy giấy chứng nhận QSD đất số 00410 ngày 06/8/1993, diện tích 18.689m² theo tờ bản đồ 01, các thửa 1778, 1779, 1780, 1134, 1135, 3186, 3187, 3188, 3189, mang tên Lâm Tấn L;

2/ Lâm Tấn L trả lại: 18.689m² đất ruộng; 30 công đất rẫy và 800m² đất ở cùng tọa lạc khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc.

Nhưng nay bà Ân rút yêu cầu đối với: Hủy giấy chứng nhận QSD đất số 00410 ngày 06/8/1993, diện tích 18.689m² mang tên Lâm Tấn L với trả lại diện tích 18.689m² đất ruộng, 30 công đất rẫy.

Bà Ân chỉ yêu cầu phải trả lại phần đất ở 800m², nhưng qua đo đạc là 945,7m², nên bà kiện yêu cầu bổ sung trả thêm 145,7m² bằng 945,7m².

Bị đơn ông Lâm Tấn L trình bày:

Thừa nhận cha mẹ ông là Lâm Văn H – bà Lê Thị Ân (ông H chết năm 1982). Ông H – bà Ân có 09 người con là như ông S trình bày. Tuy nhiên, phần đất ruộng 37 công tầm cắt; đất trồng cây lâu năm và rẫy 30 công tầm cắt; đất thổ cư 800m², không phải của cha mẹ tạo lập mà của ông cố để lại cho ông nội và ông nội để lại cho cha mẹ, nhưng chỉ để lại phần diện tích như sau: Đất ruộng 43 công; đất trồng cây lâu năm và rẫy khoảng 13 công, trong này có 03 ngôi chùa, 02 khu mộ; đất thổ cư kích thước ngang 18m x dài khoảng 70 m, diện tích 1.260m².

Trong toàn bộ phần đất này thì khi cha còn sống đã thống nhất với mẹ chia cho các con trai phần đất ruộng và hiện các con trai được cấp chứng nhận QSD đất, còn đất trồng cây lâu năm thì ông được Kiểm Lâm giao cho trồng rừng khoảng 06 công, phần còn lại là đất chùa và mồ mã ông bà.

Riêng đất thổ cư qua đo đạc hiện nay 945,7m² thì ông quản lý, nhưng trong phần này có nhà của chị gái tên Lâm Thị Mỹ T và 01 phần nhà của ông. Tuy nhiên, trước đây bà Ân có làm giấy ủy quyền với nội dung giao cho ông quản lý, việc ủy quyền có đồng ý của hai anh Lâm Hồng S, Lâm Quang H và ông không sang nhượng cho ai khác, thì nay ông giữ theo nội dung này, ông chịu trách nhiệm nuôi mẹ, nên mẹ ông đòi phải trả lại 945,7m² là ông không đồng ý.

Ông Lâm Hồng S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và là đại diện theo ủy quyền cho các ông bà: Lâm Thị Mỹ T, Lâm Thị Mỹ N, Lâm Thị Mỹ K, Lâm Thị P và Lâm Thị Á trình bày: Thống nhất với trình bày của ông S, như nội dung bên trên.

Ông Lâm Quang H, tại bản tự khai ngày 14/01/2021 ông trình bày:

Ông là con ruột của bà Á – ông H và là anh em với: S, T, N, K, P, Á, L và Ú. Đối với phần đất thổ cư, qua đo đạc diện tích là 945,7m² tọa lạc tại khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc ông thừa nhận là của cha mẹ, nhưng sau khi cha chết 1982 thì phần đất này mẹ ông đã ủy quyền giao đứt lại cho ông L vào năm 1991 và L đã sử dụng từ đó nay, nên ông có ý kiến giữ nguyên phần đất này cho ông L mà không phải giao trả lại cũng như phân chia cho ai hết.

Bà Lâm Thị Ú thống nhất nội dung trình bày của ông H.

Quá trình giải quyết, các bên thống nhất, chỉ tranh chấp: Phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 945,7m² chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất, ứng tại các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C của bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020.

Không tranh chấp: 01 căn nhà cấp 4 của bà Lâm Thị Mỹ T; 01 phần thông hành nhà của ông L, tại các điểm: A, B, C, D có diện tích 13,4m²; 08 cây sao, 12 cây dừa, 04 cây xoài, 02 cây vú sữa. Tất cả cây do bà Lê Thị Á trồng.

Ngoài ra, các bên còn thống nhất các nội dung:

- Phần đất tranh chấp nếu Tòa án quyết định thuộc quyền sử dụng của người nào thì người đó vẫn giữ nguyên hiện trạng căn nhà của bà T và 01 phần căn nhà của ông L, không buộc những người này tháo dỡ di dời nhà để trả lại đất.

- Phần đất ông L sang nhượng của bà Lâm Thị T ngày 04/3/1991, kích thước ngang mặt lộ 09m, ngang sau 05m x dài 48m là không liên quan đến đất tranh chấp mà chỉ có giáp với đất đang tranh chấp hiện nay.

Và không thống nhất, cụ thể: Ông S – đại diện theo ủy quyền cho bà Á: Yêu cầu ông L trả lại cho bà Á 945,7m² đất (được khấu trừ diện tích đất nhà bà T và diện tích đất thông hành nhà ông L). Ông L không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai 2013; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Á.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của bà Lê Thị Á đối với yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận QSD đất số 00410 ngày 06/8/1993, diện tích 18.689m² theo tờ bản đồ 01, các thửa 1778, 1779, 1780, 1134, 1135, 3186, 3187, 3188, 3189, mang tên Lâm Tấn L;

- Buộc ông Lâm Tấn L trả lại: 18.689m² đất ruộng; 30 công đất rẫy, cùng tọa lạc khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc

Xác định phần đất diện tích 945,7m² ứng với vị trí các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C theo bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn là của bà Lê Thị Ân.

Buộc ông Lâm Tấn L trả lại diện tích đất 945,7m² ứng với vị trí các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn cho bà Lê Thị Ân.

Công nhận tự nguyện của bà Lê Thị Ân cho bà Lâm Thị Mỹ T, ông Lâm Tấn L tiếp tục sử dụng:

+ 01 căn nhà cấp 4 của bà Lâm Thị Mỹ T, có diện tích đất 51,2m², ứng tại tại các điểm: E, F, G, H..

+ 01 phần đất thông hành nhà của ông L có diện tích 13,4m², ứng tại các điểm: A, B, C, D.

Bà Lê Thị Ân tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được kê khai cấp quyền sử dụng đất diện tích 945,7m² ứng tại các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/3/2021, bị đơn ông Lâm Tấn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Mỹ T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 19/02/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, ông L, bà T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, bà T và ông Lâm Tấn L, bà Lâm Thị Mỹ T; trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý An Giang bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Ân và ông Lâm Hồng S tự thỏa thuận thống nhất diện tích đất tranh chấp 945,7m² là của bà Ân, đồng ý giao trả lại cho bà Ân, nhưng phải trừ diện tích đất căn nhà của bà T, có diện tích đất 51,2m² và trừ một phần thông hành nhà của ông L có diện tích 13,4m². Đại diện nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông S cùng với ông L đều thống nhất nội dung thỏa thuận nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông L, bà T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của các đương sự trừ diện tích nhà bà T, ông L, nhưng khi quyết định lại không trừ và áp dụng án phí có giá ngạch đối với ông L không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lâm Tấn L và bà Lâm Thị Mỹ T làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp 945,7m² là của bà A; Ông Lâm Tấn L và bà Lâm Thị Mỹ T cùng ông Lâm Hồng S tự nguyện thỏa thuận như sau: Ông L đồng ý giao trả lại cho bà A diện tích đất 881,10m² ứng với vị trí các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C theo bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn cho bà Lê Thị A; trong đó đã trừ các điểm E, F, G, H diện tích 51,2m² là căn nhà của bà Lâm Thị Mỹ T và các điểm A, B, C, D diện tích 13,4m² một phần thông hành căn nhà ông Lâm Tấn L. Như vậy diện tích thực tế ông L giao trả cho bà A và các đồng thừa kế của ông Lâm Văn H diện tích đất 881,10m² diện tích đất tọa lạc thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn.

Bà Lê Thị A và các đồng thừa kế của ông Lâm Văn H tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, theo bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Chi phí tố tụng: Buộc ông Lâm Tấn L thanh toán lại cho bà Lê Thị A 1.895.000 đồng, tiền hợp đồng đo đạc và chi phí thẩm định tại chỗ theo hóa đơn ngày 30/10/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn và biên bản quyết toán ngày 28/02/2020.

[4] Về chi phí giám định: Tổng chi phí giám định 7.400.000đồng, lần 01: 3.000.000đồng, lần 02: 4.400.000đồng do bà Lâm Thị Mỹ T yêu cầu, do giám định

đúng chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của bà Tiên nên bà phải chịu số tiền trên (đã nộp xong).

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Lâm Tấn L phải chịu 300.000 đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu; ông L, bà T mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006688, 0006687 vào ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Á.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của bà Lê Thị Á đối với yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận QSD đất số 00410 ngày 06/8/1993, diện tích 18.689m² theo tờ bản đồ 01, các thửa 1778, 1779, 1780, 1134, 1135, 3186, 3187, 3188, 3189, mang tên Lâm Tấn L;

- Buộc ông Lâm Tấn L trả lại: 18.689m² đất ruộng; 30 công đất rẫy, cùng tọa lạc khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc

Công nhận phần đất diện tích 881,10m² ứng với vị trí các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn là của bà Lê Thị Á và các thừa kế của ông Lâm Văn H.

- Ông Lâm Tấn L có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Lê Thị Á và các đồng thừa kế của ông Lâm Văn H diện tích đất 881,10m², tọa lạc thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tại các điểm: 1, 2, 3, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 16, B, C (trong đó đã trừ diện tích 51,2m² nhà bà Lâm Thị Mỹ T, tại các điểm E, F, G, H và diện tích 13,4m² nhà của ông Lâm Tấn L, cùng một phần đất thông hành, tại các điểm A, B, C, D).

- Bà Lê Thị Á và các đồng thừa kế của ông Lâm Văn H tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bản trích đo địa chính ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Tri Tôn được đính kèm bản án để thi hành.

- Chi phí tố tụng: Buộc ông Lâm Tấn L hoàn lại cho bà Lê Thị Á 1.895.000 (một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn) đồng.

- Về chi phí giám định: Bà Lâm Thị Mỹ T phải chịu 7.400.000 đồng (đã nộp xong).

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lâm Tấn L phải chịu 300.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Tấn L và bà Lâm Thị Mỹ T mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006688, 0006687 vào ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THA-DS Tri Tôn;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Dương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải